

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-02-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh;

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Huy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2719/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Kim T**, sinh năm 1964.

HKTT: V/A, khu phố Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: V1/A1, khu phố Y1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Đinh Tiến Ng**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: V/A, khu phố Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim T và ông Đinh Tiến Ng kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 261/2013, Quyền số: 01/2013 ngày 10/12/2013. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Bà T và ông Ng sống ly thân từ ngày 10/3/2022 đến nay. Vì không muốn đổ vỡ, bà T và ông Ng đã nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc nhưng không được. Nay bà T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông Ng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Tiến Ng đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Kim T ly hôn ông Đinh Tiến Ng.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Ngô Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Biên bản xác minh ngày 11/11/2022 của Công an phường T1 thì bị đơn ông Đinh Tiến Ng đang cư trú tại V/A, khu phố Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông Ng kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 261/2013, Quyền số: 01/2013 ngày 10/12/2013. Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông Ng là hợp pháp. Theo bà T, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, sống ly thân từ ngày 10/3/2022.

Theo kết quả xác minh ngày 11/11/2022, địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Ng. Tuy nhiên, các đương sự đã được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, ông Ng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, có cơ sở chứng minh bà T đã cương quyết ly hôn; ông Ng bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy, bà T và ông Ng đã ly thân thời gian dài, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông Ng.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không có nhưng ông Ng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định không có nhưng ông Ng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim T đối với bị đơn ông Đinh Tiến Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Kim T ly hôn ông Đinh Tiến Ng.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004394 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Hoàng Long